

Số: 1381/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành “Quy chế phối hợp kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách về tài chính doanh nghiệp tại các tổ chức kinh tế, dự án có vốn đầu tư nước ngoài”

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BKHĐT ngày 30/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công tác theo dõi, kiểm tra và đánh giá đầu tư đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Hải Phòng, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế phối hợp kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách về tài chính doanh nghiệp tại các tổ chức kinh tế, dự án có vốn đầu tư nước ngoài”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Thuế tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Giám đốc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *B*

- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị: TCT, TCHQ, PC, CST, ĐT, QLCS, TCNH, TTr;
- Lưu: VT, TCDN ( 280 b).

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG  
  
Trần Văn Hiếu

*Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2017*

**QUY CHẾ**

**Phối hợp kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách về tài chính doanh nghiệp tại các tổ chức kinh tế, dự án có vốn đầu tư nước ngoài**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1381/QĐ-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về hình thức, nội dung phối hợp giữa Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan trong kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách về tài chính doanh nghiệp tại các tổ chức kinh tế, dự án có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì, phối hợp cùng các Sở, ban ngành tại địa phương kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo các nội dung quy định tại Khoản 7 Điều 12 Thông tư số 09/2016/TT-BKHĐT ngày 30/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công tác theo dõi, kiểm tra và đánh giá đầu tư đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Trong quá trình Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình tài chính của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên toàn quốc, trường hợp Bộ Tài chính phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu bất thường như hoạt động thua lỗ nhưng vẫn mở rộng sản xuất kinh doanh; tính khấu hao không đúng hướng dẫn, chuyển vốn đầu tư đi nơi khác khi hết ưu đãi... Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp và các đơn vị thuộc Bộ Tài chính) phối hợp với các Sở Tài chính, Sở Kế hoạch Đầu tư, Cục Thuế... tại địa phương để kiểm tra làm rõ, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định tại Quy chế này.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính.
2. Các cơ quan, đơn vị khác thuộc Bộ Tài chính: Tổng cục Hải quan, Vụ Chính sách Thuế, Vụ Pháp chế, Vụ Đầu tư, Cục Quản lý công sản, Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, Thanh tra Bộ Tài chính...
3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, Cục Hải quan tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
4. Các tổ chức kinh tế, dự án có vốn đầu tư nước ngoài tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**Điều 3. Nguyên tắc kiểm tra**

1. Tuân thủ các nguyên tắc giám sát theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

2. Đúng thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, trình tự, thủ tục và trên cơ sở quy định pháp luật.

3. Không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi đối tượng, thời gian và nội dung kiểm tra, phối hợp trong theo dõi, kiểm tra, đánh giá.

4. Kịp thời, khách quan, chính xác và nghiêm minh.

5. Công khai, minh bạch, không gây cản trở, ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức kinh tế, dự án có vốn đầu tư nước ngoài đang trong quá trình kiểm tra.

6. Việc kiểm tra được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

7. Các cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến và chịu trách nhiệm về nội dung kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định cho mỗi cơ quan, đơn vị.

#### **Điều 4. Nội dung kiểm tra**

1. Trị giá tài sản góp vốn của các bên (giá trị quyền sử dụng đất; giá trị tài sản hữu hình như máy móc, thiết bị, nhà xưởng...; tài sản cố định vô hình,...)

2. Việc sử dụng đúng mục đích về hàng hóa nhập khẩu tạo tài sản cố định thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu.

3. Tình hình thực hiện các khoản nợ (vay ngân hàng, phát hành trái phiếu của doanh nghiệp,...).

4. Trích lập, sử dụng các khoản dự phòng, khấu hao tài sản cố định, hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái.

5. Việc phân chia lợi nhuận đối với phần vốn góp của nhà nước trong tổ chức kinh tế, dự án có vốn đầu tư nước ngoài.

6. Tình hình bảo toàn vốn góp của tổ chức kinh tế, dự án có vốn nhà nước.

7. Tình hình chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng dự án của các bên góp vốn trong doanh nghiệp.

8. Tình hình thực hiện các cam kết đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi về tài chính, hỗ trợ đầu tư (không bao gồm ưu đãi về thuế) sau khi dự án đi vào hoạt động.

#### **Điều 5. Hình thức kiểm tra**

1. Kiểm tra định kỳ

Kiểm tra định kỳ được tiến hành trên cơ sở Kế hoạch kiểm tra hàng năm.

2. Kiểm tra đột xuất

Kiểm tra đột xuất được thực hiện theo từng vụ việc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

### **Điều 6. Lập kế hoạch kiểm tra định kỳ**

1. Căn cứ kế hoạch thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm toán và Thanh tra Bộ Tài chính, tháng 10 hằng năm, Cục Tài chính doanh nghiệp phối hợp với Thanh tra Bộ Tài chính xây dựng Kế hoạch phối hợp kiểm tra cho năm tiếp theo; trình Bộ Tài chính xem xét quyết định trước ngày 15 tháng 11 của năm trước năm kiểm tra. Kế hoạch phối hợp kiểm tra được gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trước ngày 30 tháng 11 hàng năm. Kế hoạch kiểm tra phải xác định rõ thời gian, đối tượng kiểm tra, hình thức kiểm tra, nội dung kiểm tra, đơn vị phối hợp kiểm tra.

2. Kế hoạch kiểm tra định kỳ sau khi được Lãnh đạo Bộ Tài chính phê duyệt được đưa vào nội dung của Chương trình công tác hằng năm của Cục Tài chính doanh nghiệp, gửi Thanh tra Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp, gửi các cơ quan, đơn vị phối hợp kiểm tra gồm các đơn vị trong Bộ Tài chính, các Sở, ban ngành ở địa phương nơi có doanh nghiệp được kiểm tra trước tháng 01 của năm tiến hành kiểm tra.

3. Kế hoạch kiểm tra được công bố và thông báo công khai trên trang điện tử của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện kiểm tra**

1. Căn cứ kế hoạch phối hợp kiểm tra hằng năm đã được Lãnh đạo Bộ Tài chính phê duyệt, Cục Tài chính doanh nghiệp chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong Bộ Tài chính dự thảo Đề cương kiểm tra và trình Lãnh đạo Bộ ban hành Quyết định thành lập Tổ kiểm tra gửi các cơ quan đơn, đơn vị phối hợp để cử cán bộ tham gia. Nội dung Quyết định gồm:

- Tên đối tượng được kiểm tra;
- Mục đích, yêu cầu kiểm tra;
- Nội dung kiểm tra;
- Thời gian, địa điểm kiểm tra;
- Thời kỳ và thời hạn kiểm tra;
- Thành phần Tổ kiểm tra: các thành viên là cán bộ công chức của Bộ Tài chính, các cơ quan địa phương (Sở Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư địa phương).

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Tổ kiểm tra.

2. Trên cơ sở Quyết định thành lập Tổ kiểm tra và kế hoạch kiểm tra chi tiết đã được phê duyệt, Cục Tài chính doanh nghiệp có trách nhiệm gửi văn bản thông báo cho đối tượng được kiểm tra và các cơ quan phối hợp kiểm tra về việc kiểm tra (thời gian, địa điểm, nội dung kiểm tra; các tài liệu cần chuẩn bị để phục vụ công tác kiểm tra).

### 3. Thời gian kiểm tra

a) Thời gian thực hiện việc kiểm tra do Tổ kiểm tra quyết định và gửi văn bản thông báo kiểm tra đến đơn vị được kiểm tra trước ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm tra.

b) Thời gian kiểm tra đối với mỗi tổ chức kinh tế, dự án không quá 05 (năm) ngày làm việc.

c) Trường hợp kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền thì Tổ kiểm tra phải có trách nhiệm thông báo thời gian, nội dung kiểm tra cho cơ quan được kiểm tra chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày kiểm tra.

### 4. Tổ chức kiểm tra.

a) Các đơn vị được kiểm tra cung cấp hồ sơ, tài liệu cho Tổ kiểm tra theo nội dung kiểm tra đã được Bộ Tài chính phê duyệt.

b) Tổ kiểm tra có trách nhiệm thu thập, nghiên cứu, phân tích, đánh giá các thông tin, tài liệu, kết quả kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan liên quan đến nội dung kiểm tra; tiến hành kiểm tra, đối chiếu các thông tin, tài liệu đã báo cáo với hồ sơ, tài liệu của đơn vị.

c) Kết thúc đợt kiểm tra, Tổ kiểm tra có trách nhiệm lập Biên bản kiểm tra. Biên bản này phải có chữ ký của các thành viên Tổ kiểm tra và đại diện có thẩm quyền của đơn vị được kiểm tra.

## **Điều 8. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí tổ chức Tổ kiểm tra do Cục Tài chính doanh nghiệp lập dự toán và được Bộ Tài chính bố trí trong kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước cấp hàng năm cho Cục Tài chính doanh nghiệp. Kinh phí tổ chức Tổ kiểm tra được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý tài chính gồm: chi phí in ấn tài liệu, chi phí thuê nhà ở, thuê phương tiện đi công tác cho Tổ kiểm tra, phụ cấp lưu trú và các chi phí chung khác của Tổ kiểm tra theo quy định cho cán bộ thuộc Tổ kiểm tra của Bộ Tài chính.

## **Điều 9. Báo cáo kết quả kiểm tra**

1. Căn cứ vào nội dung Biên bản kiểm tra, Tổ kiểm tra dự thảo Báo cáo kết quả kiểm tra. Dự thảo Báo cáo kết quả kiểm tra phải được gửi lấy ý kiến của các đơn vị có các thành viên tham gia Tổ kiểm tra và các đơn vị chức năng của Bộ Tài chính (trong trường hợp thành lập Tổ kiểm tra), trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định. Cơ quan hoặc thành viên được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo Báo cáo kết quả kiểm tra. Quá thời hạn nêu trên, nếu Cục Tài chính doanh nghiệp không nhận được ý kiến phản hồi thì được xem như đã đồng ý với nội dung dự thảo Báo cáo kết quả kiểm tra.

2. Sau khi tập hợp ý kiến các đơn vị tham gia, Tổ kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp, giải trình ý kiến tham gia, hoàn thiện Báo cáo kết quả kiểm tra về Bộ Tài chính và trình Bộ Tài chính ký công văn gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

trực thuộc trung ương nơi có doanh nghiệp được kiểm tra và các đơn vị phối hợp thực hiện kiểm tra để theo dõi giám sát việc kết luận kiểm tra và sử dụng kết quả kiểm tra phục vụ công tác quản lý.

3. Nội dung báo cáo bao gồm các vấn đề sau:

- a) Căn cứ tiến hành kiểm tra;
- b) Hình thức kiểm tra;
- c) Thời gian, địa điểm kiểm tra;
- d) Thành phần tham gia kiểm tra;
- đ) Tên đối tượng được kiểm tra;
- e) Nội dung kiểm tra;
- g) Ý kiến của thành viên Tổ kiểm tra;
- h) Kiến nghị của đối tượng được kiểm tra;
- i) Kết luận xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền việc xử lý, khắc phục những sai trái, yếu kém trong thực hiện. Trong đó nêu rõ những ý kiến đã tiếp thu của các cơ quan tham gia kiểm tra, thành viên Tổ kiểm tra hoặc của đối tượng được kiểm tra; cơ sở của việc tiếp thu các ý kiến này; những kiến nghị về hướng xử lý đối với các vấn đề tồn tại;
- k) Các vấn đề khác (nếu có).

4. Hằng năm, Cục Tài chính doanh nghiệp tổng hợp kết quả kiểm tra năm trước, gửi Thanh tra Bộ tài chính để tổng hợp và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Đầu tư nước ngoài) để tổng hợp tình hình kiểm tra các dự án có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Thông tư số 09/2016/TT-BKHĐT.

#### **Điều 10. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan kiến nghị với Bộ Tài chính để xem xét, kịp thời điều chỉnh, bổ sung Quy chế.

Sau 01 năm tổ chức thực hiện (năm 2018), Bộ Tài chính phối hợp với các địa phương tổng kết, đánh giá kết quả triển khai và đề xuất hướng điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế. /

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Văn Hiếu**